

**CÔNG TY TNHH SUPERSHIP ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SUPERSHIP ĐAN PHƯỢNG - HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SUPERSHIP DAN PHUONG - HA NOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109364862

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 189, Phố Tây Sơn, Thị Trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0589025555

Fax:

Email: [ketoanhudp@gmail.com](mailto:ketoanhudp@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                       | 4932     |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                    | 4931     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                              | 5222     |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                        | 4933     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay..... | 5229     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Đại lý mua hàng hóa (Luật thương mại 2005).                                                                                                                                   | 4610     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                                                                                                        | 6209     |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                      | 4690     |
| 9.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                           | 5210     |
| 10. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811     |
| 11. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa                                                                                                                                     | 1709     |
| 12. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                                                 | 6622     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5225 |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230 |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>Nhượng quyền thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299 |
| 16. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4530 |
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4520 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết: Đại lý chi trả ngoại tệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6499 |
| 19. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5012 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn thiết bị điện lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, quạt thông gió, quạt công nghiệp;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Mua bán máy photocopy;<br>- Mua bán máy in, vật tư ngành in và phụ tùng;<br>- Mua bán máy đánh chữ;<br>- Mua bán máy chiếu và màn chiếu;<br>- Mua bán máy xén giấy và hủy tài liệu;<br>- Mua bán thiết bị giáo dục; | 4659 |
| 21. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5224 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9512 |
| 23. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9511 |
| 24. | Quảng cáo<br>Chi tiết: - Quảng cáo - Cung cấp dịch vụ quảng cáo trên bao bì chuyển phát nhanh của Công ty                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310 |
| 25. | Chuyển phát<br>Chi tiết: - Chuyển phát - Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5320 |
| 26. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5310 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4791 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt<br>(trừ kinh doanh bến bãi ô tô và hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5221 |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5510 |
| 30. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7320 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>(Trừ thiết kế xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 32. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn,<br>+ Thiết bị sản xuất điện ảnh                                                                                                                                                                                            | 7730        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8220(Chính) |
| 34. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;                                                                                                                                                                                      | 4649        |
| 35. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4651        |
| 36. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 37. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim, Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; – Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su.... | 4663        |
| 38. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5610        |
| 39. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5621        |
| 40. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5629        |
| 41. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4632        |
| 42. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641        |
| 43. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8121        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TẠ THỊ PHUƠNG  | Số 18/80 Phùng Hưng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | 1.000.000.000         | 50,000    | 001177006339                                                                                                                                      |         |

|   |                   |                                                                           |               |        |              |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ HOA | Cụm 12, Xã Tân Lập,<br>Huyện Đan Phượng,<br>Thành phố Hà Nội,<br>Việt Nam | 1.000.000.000 | 50,000 | 001177005390 |  |
|---|-------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TẠ THỊ PHƯỢNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001177006339

Ngày cấp: 21/09/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18/80 Phùng Hưng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 18/80 Phùng Hưng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội